

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182 /2020/DS-PT
Ngày 26 – 8 – 2020
V/v tranh chấp hui và bảo lãnh hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn Là Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hui và bảo lãnh hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Út L, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Thị Kim H (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, Phường 8, thành phố C, tỉnh C ..

2. Anh Phạm Văn D (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Út L, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Huỳnh Út L trình bày:

Ngày 30/4/2014, ông Út L có mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 45 phần, mỗi tháng khai 01 lần, ông T1 và bà T2 tham gia 10 phần. Ông T1 và bà T2 đã hốt hết 10 phần hụi; ông T1 và bà T2 có đóng lại hụi chết 33 lần, còn nợ 12 lần hụi chết với tổng số tiền phải đóng là 120.000.000 đồng. Sau đó, ông T1 và bà T2 có trả 50.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng. Do đó, ông Út L khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 phải trả cho ông Út L số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Út L xác định là ông T1 và bà T2 bảo lãnh 10 phần hụi cho chị Huỳnh Thị Kim H và anh Phạm Văn D. Do chị H và anh D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hụi chết nên ông T1 và bà T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cả 10 phần hụi cho ông.

- Theo ông Phạm Văn T1 trình bày:

Ngày 30/4/2014, ông Út L mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 45 phần, mỗi tháng khai 01 lần, ông và bà T2 tham gia 01 phần, đứng tên hụi viên “Bảy Thịnh” tại số thứ tự 15, phần hụi này đã mãn và thanh toán xong, không có tranh chấp.

Đối với 10 phần hụi mà ông Út L khởi kiện ông và bà T2 là do con trai tên Phạm Văn D và con dâu tên Huỳnh Thị Kim H trực tiếp tham gia giao dịch. Do Hoàng và Đen thường ở thành phố Cà Mau nên bà T2 có đi khai hụi và nhận tiền hốt hụi thay Hoàng và Đen. Sau đó, Hoàng và Đen có đóng lại 33 lần, còn nợ 12 lần hụi chết. Đã qua ông và bà T2 có trả 50.000.000 đồng cho ông Út L thay Hoàng và Đen. Nay ông Út L yêu cầu ông và bà T2 phải trả cho ông Út L số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng, ông không thống nhất, mà việc này ông L phải khởi kiện Hoàng và Đen đòi nợ hụi mới đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 trình bày: Việc giao dịch hụi là do chị H và anh D trực tiếp giao dịch với ông Út L. Nhưng do tham gia đến 10 phần, nên ông Út L có thỏa thuận là nhờ ông đứng tên hụi viên là “Bảy Thịnh” 03 phần hụi tại số thứ tự 16, 17 và 18 trong tờ giao kèo mượn vốn làm ăn, để tránh sự không đồng ý của các hụi viên khác trong dây hụi, vì chị H và anh D tham gia đến 10 phần là quá nhiều. Phía ông và bà T2 cũng thừa nhận có chịu trách nhiệm bảo lãnh cho Hoàng và Đen đối với 03 phần hụi đứng tên hụi viên “Bảy Thịnh” nêu trên.

- Theo bà Trần Thị T2 trình bày:

Bà T2 thống nhất ý kiến trình bày của ông T1. Bà T2 không đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Út L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Út L về việc ông Huỳnh Út L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị T2 phải trả cho ông Huỳnh Út L số tiền nợ hụi 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2020, ông Huỳnh Út L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Út L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa ông Út L phát biểu: Ông T1 và bà T2 là người bảo lãnh cả 10 phần hối của anh D và chị H tham gia. Tổng số tiền hối chết anh D và chị H phải đóng lại là 120.000.000 đồng; ông Thiệp và và Thiếp đã thanh toán được 50.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng yêu cầu buộc ông T1 và bà T2 phải thanh toán cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Út L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Út L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 30/4/2014, ông Út L có mở dây hối loại hối 1.000.000 đồng, gồm 45 phần, mỗi tháng khai hối 1 lần, do ông Út L làm chủ hối. Việc giao dịch hối giữa ông Út L với các hối viên được xác lập bằng Tờ giao kèo mượn vốn làm ăn, lập ngày 30/4/2014, có xác nhận của Trưởng ấp Cái Đôi Nhỏ A ngày 04/11/2014 và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái ngày 25/11/2014.

[2] Trong dây hối này, ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị T2 tham gia 01 phần (theo số thứ tự 15 của dây hối), chị H và anh D tham gia 10 phần (theo số thứ tự từ 16 đến 25 của dây hối).

[2.1] Đối với phần hối ông T1 và bà T2 tham gia, giữa ông Út L với ông T1, bà T2 thống nhất xác định ông T1 và bà T2 đã hốt hối và đóng lại hối chết xong, không có tranh chấp; do đó, cấp sơ thẩm không xem xét nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[2.2] Còn lại 10 phần hối chị H và anh D tham gia, chị H và anh D đã hốt hết 10 phần hối; chị H và anh D nợ tiền hối chết phải đóng cho ông Út L là 12 kỳ bằng 120.000.000 đồng. Ông T1 và bà T2 đã trả cho ông Út L thay cho chị H và anh D 50.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng. Ông Út L cho rằng do ông T1 và bà T2 là người bảo lãnh việc chơi hối của chị H và anh D đối với 10 phần hối mà chị H và anh D tham gia, nên yêu cầu ông T1 và bà T2 phải trả cho ông Út L số tiền 70.000.000 đồng mà chị H và anh D còn nợ. Ông T1 và bà T2 cho rằng chỉ bảo lãnh cho chị H và anh D 03 phần hối và đã đóng đầy đủ tiền hối chết của 03 phần hối mà ông bà bảo lãnh, số tiền hối chết phải đóng còn nợ lại 70.000.000 đồng là trách nhiệm của chị H và anh D; ông T1 và bà T2 không đồng ý trả cho ông Út L.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Út Lớn, ông T1 và bà T2 đều thống nhất xác định 10 phần hui nêu trên là do anh D và chị H tham gia. Tuy nhiên, ông Út L cho rằng ông T1 và bà T2 bảo lãnh cho anh D và chị H cả 10 phần hui nêu trên, nhưng không được ông T1 và bà T2 thừa nhận; ông T1 và bà T2 chỉ thừa nhận có bảo lãnh cho anh D và chị H 03 phần hui. Đối chiếu với danh sách lập kèm theo tờ giao kèo mượn vốn làm ăn lập ngày 30/4//2014 thể hiện anh D và chị H tham gia 10 phần hui có số thứ tự từ 16 đến 25; trong đó: ông T1 chỉ đứng tên 03 phần tại số thứ tự 16, 17 và 18; anh D đứng tên 04 phần tại số thứ tự 19, 20, 21 và 22; chị H đứng tên 03 phần tại số thứ tự 23, 24 và 25. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Út L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông T1 và bà T2 bảo lãnh toàn bộ 10 phần hui mà anh D và chị H tham gia. Đối với việc ông T1 và bà T2 đã thanh toán cho ông Út L số tiền 50.000.000 đồng, vượt hơn số tiền phải thanh toán của 03 phần hui bảo lãnh là 14.000.000 đồng cũng chưa đủ căn cứ để kết luận ông T1 và bà T2 bảo lãnh toàn bộ 10 phần hui mà anh D và chị H tham gia như ông Út L đặt ra. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Út L là có căn cứ.

[4] Đối với 07 phần hui do chị H và anh D đứng tên tham gia, nếu chưa thanh toán xong cho ông Út L thì giữa ông Út L với chị H và anh D có quyền thỏa thuận với nhau việc thanh toán; nếu có tranh chấp thì ông Út L có quyền khởi kiện chị H và anh D bằng vụ án khác.

[5] Đối với số tiền 14.000.000 đồng mà ông T1 và bà T2 đã trả cho ông Út L vượt phạm vi bảo lãnh, nhưng do ông T1 và bà T2 không có yêu cầu, không có tranh chấp gì với ông Út L, chị H và anh D nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Út L, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm ông Út L phải chịu quy định pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Út L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Út L về việc yêu cầu ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị T2 phải trả cho ông Út L số tiền nợ hui 70.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Út L phải chịu số tiền 3.500.000 đồng. Ông Út L đã dự nộp 1.750.000 đồng theo tại biên lai thu tiền số 0007137 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, đối trừ ông Út L còn phải tiếp 1.750.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Út L phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 01/6/2020 ông Út L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011650 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập